

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2016

KẾT LUẬN THANH TRA
Về việc chấp hành pháp luật về tài nguyên và môi trường
trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Thực hiện Quyết định số 1918/QĐ-BTNMT ngày 30 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, từ ngày 14 tháng 8 năm 2015 đến ngày 15 tháng 10 năm 2015, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại các cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức, cá nhân hoạt động về tài nguyên và môi trường theo kế hoạch.

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 25 tháng 10 năm 2015 của Trưởng đoàn thanh tra, ý kiến giải trình của cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra,

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường kết luận như sau:

A. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG

Tuyên Quang là tỉnh miền núi nằm ở vùng Đông Bắc, diện tích tự nhiên là 586.732,7 ha; phía Bắc và Tây Bắc giáp các tỉnh Hà Giang và Cao Bằng, phía Nam giáp các tỉnh Phú Thọ và Vĩnh Phúc, phía Đông giáp các tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên, phía Tây giáp tỉnh Yên Bái; có 07 đơn vị hành chính cấp huyện (gồm 06 huyện và 01 thành phố) với 129 xã, 07 phường và 05 thị trấn; dân số tính đến hết năm 2013 là 746.669 người với 22 dân tộc, bao gồm: Kinh, Tày, Dao, Sán Chay, Mông, Nùng, Sán Diu... trong đó dân tộc Kinh chiếm tỷ lệ gần 50%.

Tốc độ tăng tổng sản phẩm GDP trên địa bàn năm 2014 đạt 15,52%; cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch tăng dần tỷ trọng ngành công nghiệp, dịch vụ, giảm dần tỷ trọng ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản; thu nhập bình quân đầu người đạt khoảng 25 triệu đồng/người; hệ thống kết cấu hạ tầng trên địa bàn tỉnh được đầu tư và xây dựng, bộ mặt thành thị và nông thôn có nhiều khởi sắc; văn hóa xã hội phát triển mạnh, an ninh trật tự được giữ vững; đời sống của người dân trong tỉnh từng bước được nâng cao.

B. KẾT QUẢ THANH TRA

I. Công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật

Từ năm 2004 đến tháng 9 năm 2015, Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã ban hành 92 văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực tài nguyên và môi trường, gồm: 72 văn bản về đất đai (17 văn bản còn hiệu lực, 03 văn bản hết hiệu lực một

phần, 52 văn bản hết hiệu lực); 01 văn bản về đo đạc bản đồ; 07 văn bản về môi trường, 02 văn bản về tài nguyên nước, 10 văn bản về khoáng sản.

Kết quả kiểm tra 08 văn bản về lĩnh vực đất đai, 01 văn bản về đo đạc bản đồ, 07 văn bản về môi trường, 02 văn bản về tài nguyên nước và 10 văn bản về khoáng sản (*Chi tiết tại Phụ lục số 01 kèm theo*), cho thấy công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh có những ưu điểm và tồn tại như sau:

1. Ưu điểm:

- Công tác xây dựng và ban hành văn bản quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh đúng thẩm quyền, không trái với các quy định của pháp luật chuyên ngành.

- Việc ban hành văn bản quản lý nhà nước đã tạo hành lang pháp lý cho công tác xây dựng, hoạch định và triển khai các kế hoạch trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường, đồng thời góp phần làm đơn giản hóa, minh bạch hóa các thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh.

2. Tồn tại:

- Chậm sửa đổi, thay thế Quyết định số 13/2007/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc quy định trách nhiệm, quyền hạn của các cấp, các ngành và tổ chức, cá nhân trong quản lý và hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh cho phù hợp với quy định của Luật khoáng sản năm 2010 và các Nghị định hướng dẫn thi hành.

- Chậm sửa đổi, thay thế Quyết định 04/2009/QĐ-UBND, ngày 17 tháng 6 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang cho phù hợp Luật Tài nguyên nước năm 2012.

II. Công tác thanh tra, kiểm tra về tài nguyên và môi trường

Từ năm 2007 đến nay, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang đã tổ chức 18 cuộc thanh tra và trên 300 cuộc kiểm tra đột xuất về lĩnh vực tài nguyên và môi trường, qua thanh tra đã xử lý vi phạm hành chính 201 vụ, với tổng số tiền phạt là 9.951.650.000 đồng, tước quyền sử dụng 04 giấy phép hoạt động khoáng sản; tịch thu tang vật, phương tiện do vi phạm hành chính và tổ chức bán đấu giá tài sản tịch thu với tổng số tiền 1.191.838.968 đồng.

Kết quả thanh tra, cho thấy công tác thanh tra, kiểm tra về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh có những ưu điểm và tồn tại sau:

1. Ưu điểm:

- Công tác thanh tra, kiểm tra về lĩnh vực tài nguyên và môi trường đã được tỉnh quan tâm chỉ đạo thực hiện; đã tập trung vào các lĩnh vực nổi cộm như: khai

thác khoáng sản (cát, sỏi, đá vôi, vàng, kim loại màu), bảo vệ môi trường, quản lý và sử dụng đất nông, lâm trường.

- Trình tự, thủ tục thực hiện các cuộc thanh tra, kiểm tra phù hợp quy định của pháp luật về thanh tra; trong quá trình thanh tra đã kết hợp tuyên truyền, phổ biến cho các đối tượng thanh tra về việc chấp hành pháp luật về đất đai, môi trường, khoáng sản và tài nguyên nước.

- Đã phòng ngừa, ngăn chặn các dấu hiệu vi phạm, phát hiện và xử lý kịp thời các tổ chức, cá nhân vi phạm (đã kiểm điểm làm rõ trách nhiệm 24 lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã, cán bộ địa chính, Trưởng công an xã, xã đội trưởng, Tổ viên tổ công tác; kỷ luật bằng hình thức khiển trách, cảnh cáo 08 cán bộ; điều động công tác khác 01 cán bộ).

2. Tồn tại:

Số lượng các cuộc thanh tra, kiểm tra về lĩnh vực đo đạc và bản đồ, tài nguyên nước còn hạn chế.

III. Kết quả thanh tra đối với các lĩnh vực đất đai, đo đạc và bản đồ, bảo vệ môi trường, khoáng sản và tài nguyên nước

1. Lĩnh vực đất đai

1.1. Về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

Quy hoạch sử dụng đất tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020 được Chính phủ phê duyệt tại Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ, sau khi được phê duyệt đã công bố công khai trên Website của Sở Tài nguyên và Môi trường; Có 07/07 đơn vị cấp huyện đã xây dựng quy hoạch sử dụng đất được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; có 141/141 đơn vị cấp xã đã hoàn thành quy hoạch sử dụng đất chi tiết, kế hoạch sử dụng đất chi tiết được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt (trong đó có 129 xã gắn với quy hoạch nông thôn mới).

Kết quả thanh tra cho thấy: Công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp đã được lập và phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật, đã tạo cơ sở pháp lý cho việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; việc thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt tại Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ.

1.2. Về công tác giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền đất đối với các tổ chức sử dụng đất

Tính đến ngày 30 tháng 7 năm 2015, Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã lập 1.269 hồ sơ thu hồi đất để thực hiện giao đất, cho thuê đất cho các tổ chức, với tổng diện tích là 148.397,29 ha; đã thực hiện giao đất, cho thuê đất cho 479 dự án

với diện tích là 71.104,34 ha (trong đó: Giao đất cho 93 dự án với diện tích là 54.061,18 ha và cho thuê đất 386 dự án với diện tích là 17.043 ha).

Trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang có 1.347 tổ chức hiện đang sử dụng 80.638,02 ha đất (gồm 226 tổ chức kinh tế; 1.044 tổ chức sự nghiệp công, cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị - chính trị xã hội; 77 cơ sở tôn giáo), đến nay đã cấp giấy chứng nhận cho 1.289/1.347 tổ chức (đạt 95,69%) với diện tích đã cấp là 80.478,78ha/80.638,02 ha (đạt 99,8% tổng số diện tích cần cấp GCN), diện tích còn lại chưa thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 65,97 ha tương ứng với 164 giấy chứng nhận. Đoàn thanh tra đã tiến hành kiểm tra hồ sơ đất đai và thanh tra việc giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại 28 dự án của 22 tổ chức, kết quả cho thấy công tác quản lý nhà nước về đất đai có những ưu điểm và tồn tại như sau:

1.2.1. Về ưu điểm:

- Việc giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức trên địa bàn tỉnh được thực hiện cơ bản đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

- Các Dự án sử dụng đất được giao theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

- Các tổ chức được giao đất, thuê đất đã sử dụng đất theo đúng ranh giới, diện tích, mục đích sử dụng đất được giao theo quy định.

1.2.2. Về tồn tại:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang chưa ban hành quyết định thu hồi 114,8 m² đất để thực hiện quy hoạch khu đất ở đô thị tại tổ 4, phường Tân Quang theo Tờ trình số 282/TTr-STNMT ngày 06 tháng 11 năm 2012 của Sở Tài nguyên và Môi trường (đất do Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố Tuyên Quang không còn nhu cầu sử dụng) là chưa phù hợp với quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 132 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai năm 2003.

- Trong thời gian từ tháng 02 đến tháng 7 năm 2015, Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã ban hành các quyết định cho thuê đất đối với 08 tổ chức (*chi tiết tại phụ lục số 02 kèm theo*), nhưng đến nay Sở Tài nguyên và môi trường chưa thực hiện ký hợp đồng thuê đất đối với 08 tổ chức này là chưa phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 61 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai năm 2013.

1.3. Kết quả thanh tra về giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân tại thành phố Tuyên Quang

Tính đến ngày 30 tháng 7 năm 2015 trên địa bàn thành phố Tuyên Quang đã cấp được 38.347 giấy chứng nhận (cấp lần đầu 32.593 giấy; cấp đổi 5.728 giấy; cấp lại 45 giấy) cho 2.833 hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư với diện tích 5.286 ha đạt 91,04% diện tích cần cấp; giao đất tái định cư cho 1.921 hộ, diện tích 216.017,45 m²; giao đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất cho 1.097 hộ, diện tích 122.406 m²; giao đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất 198 hộ (giao đất tại các khu tập thể theo quy hoạch và khu nhỏ lẻ), diện tích 17.854,45 m²; cho phép chuyển mục đích từ loại đất khác sang sử dụng vào mục đích đất ở 343 trường hợp, diện tích 24.005 m².

Kết quả kiểm tra 40/343 hồ sơ chuyển mục đích tại phường Tân Quang và xã Tràng Đà; 07 hồ sơ dự án quy hoạch khu dân cư để giao đất cho các hộ gia đình, cá nhân từ năm 2004 đến năm 2013; 300/3.205 hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 2008 đến ngày 30 tháng 7 năm 2015 (tại phường Phan Thiết, Tân Hà), kết quả cho thấy công tác giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân tại thành phố Tuyên Quang có những ưu điểm, tồn tại sau:

1.3.1. Về ưu điểm:

- Việc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất ở và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn thành phố được thực hiện cơ bản đúng trình tự, thủ tục theo qui định của pháp luật.

- Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Quang đã tổ chức và thực hiện việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân đạt tỷ lệ cao (91,04% diện tích cần cấp), đây là cơ sở dữ liệu quan trọng phục vụ công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn thành phố.

1.3.2. Về tồn tại:

- Trong thời gian từ năm 2005 đến tháng 5 năm 2015, Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Quang và Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh Tuyên Quang đã tổ chức bán đấu giá quyền sử dụng đất khi chỉ có 01 người tham gia đấu giá 01 lô đất của 01 vòng đấu giá (đã đấu giá 474 lô trong đó: Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Quang tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất 224 lô; Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh Tuyên Quang tổ chức đấu giá 250 lô) là chưa phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 2 Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2005 và Khoản 1 Điều 2 Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản.

- Thủ tục tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Trong 300 hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được kiểm tra, có 210/300 hồ sơ (chiếm 70%) thời gian cấp giấy chưa đúng quy định tại Điều 12 Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về cấp

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất; 234/300 hồ sơ (chiếm 78%) cán bộ tiếp nhận hồ sơ không ghi thời gian tiếp nhận hồ sơ, ký và ghi rõ họ tên vào phần ghi của người nhận hồ sơ là chưa đúng mẫu đơn ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BTNMT ngày 21 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; 300/300 hồ sơ (chiếm 100%) ngày ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không cùng với ngày ký ban hành quyết định cấp giấy chứng nhận là không đúng quy định tại Điều 14 Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ.

1.4. Về giao đất ở, đất sản xuất cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn

Thực hiện Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 20 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn, Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã ban hành Quyết định số 166/QĐ-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2015 quy định mức bình quân diện tích đất sản xuất để làm cơ sở xác định hộ thiếu đất sản xuất thực hiện chính sách hỗ trợ đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số và hộ nghèo ở xã, thôn bản đặc biệt khó khăn trong tỉnh.

Đến năm 2014 toàn tỉnh có 5.092 hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn thiếu đất ở và đất sản xuất, trong đó: Số hộ thiếu đất ở là 831 hộ với diện tích 16,62 ha; số hộ thiếu đất sản xuất là 4.261 hộ với diện tích 718,46 ha.

Kết quả thanh tra cho thấy công tác giao đất ở, đất sản xuất cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn trên địa bàn tỉnh có những ưu điểm và tồn tại sau:

1.4.1. Về ưu điểm:

- Công tác hỗ trợ đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số và hộ nghèo ở xã, thôn bản đặc biệt khó khăn đã được tỉnh quan tâm thực hiện, đến nay đã hỗ trợ đất ở cho 187 hộ với diện tích 3,75 ha, hỗ trợ đất sản xuất cho 421 hộ với diện tích 74,77 ha và đã thu hồi 24.455,27 ha đất của các công ty nông, lâm trường để làm quỹ đất giao cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn thiếu đất ở và đất sản xuất.

- Các huyện, thành phố đã thực hiện việc lập phương án, thủ tục giao đất cho các hộ gia đình, cá nhân, trong đó ưu tiên các hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo thiếu đất sản xuất theo đúng quy định.

- Việc hỗ trợ đất ở, đất sản xuất của tỉnh đã góp phần giúp các hộ đồng bào dân tộc thiểu số ổn định cuộc sống, xóa bỏ tập quán du canh, du cư.

1.4.2. Về tồn tại:

Số lượng các hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo thiếu đất ở, đất sản xuất được hỗ trợ còn thấp so với yêu cầu đã được xác định năm 2014, đến nay trên địa bàn tỉnh mới giao đất cho 608 hộ trên tổng số 5.092 hộ.

2. Lĩnh vực Đo đạc và Bản đồ

Tính đến thời điểm thanh tra, tỉnh Tuyên Quang đã và đang thực hiện đo đạc lập bản đồ địa chính các tỷ lệ 1:500, 1:1000, 1:2000, 1:5000 cho 43 xã, thị trấn, tại các huyện: Sơn Dương, Yên Sơn, Hàm Yên, Lâm Bình và thành phố Tuyên Quang với tổng diện tích đã đo đạc bản đồ địa chính là 45.111,6 ha. Hiện nay, đang thực hiện công tác nghiệm thu từng phần và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Từ năm 2004 đến nay, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tiếp nhận 10 hồ sơ của các tổ chức xin cấp phép hoạt động đo đạc và bản đồ, trong đó 10/10 tổ chức được thẩm định đủ điều kiện cấp phép, đã được Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn.

Kết quả thanh tra cho thấy công tác đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang có những ưu điểm và tồn tại như sau:

2.1. Về ưu điểm:

- Việc thẩm định hồ sơ xin đăng ký, cấp phép hoạt động đo đạc và bản đồ địa chính trên địa bàn tỉnh được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Thông tư số 32/2010/TT-BTNMT ngày 08 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về cấp phép hoạt động đo đạc và bản đồ.

- Chế độ báo cáo trong hoạt động đo đạc và bản đồ đã thực hiện đúng theo quy định tại Quyết định số 04/2007/QĐ-BTNMT ngày 27 tháng 02 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định về chế độ báo cáo trong hoạt động đo đạc và bản đồ.

- Việc quản lý dự án xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu được thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2007/TT-BTNMT ngày 12 tháng 02 năm 2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ và Thông tư số 05/2009/TT-BTNMT ngày 01 tháng 6 năm 2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm địa chính; hồ sơ kiểm tra, nghiệm thu chất lượng sản phẩm được lập đầy đủ theo mẫu quy định cho từng công đoạn công trình.

- Công tác lưu trữ, quản lý, cung cấp, khai thác các sản phẩm của các Dự án đo đạc lập bản đồ địa chính đã hoàn thành được Sở Tài nguyên và Môi trường bàn giao cho Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, Trung tâm công nghệ thông tin

trực thuộc Sở, Ủy ban nhân dân cấp xã, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện đưa sản phẩm vào sử dụng, khai thác, quản lý theo đúng quy định của pháp luật.

2.2. Về tồn tại:

- Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Tuyên Quang không thực hiện trích lục bản đồ địa chính (được đo vẽ tháng 02 năm 1997) hoặc trích đo địa chính thửa đất mà sử dụng sơ đồ đo vẽ bằng phương pháp thủ công do cán bộ địa chính phường lập khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân tại phường Phan Thiết và phường Tân Hà là không phù hợp quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 14; Điểm c Khoản 3 Điều 15 Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

- Kết quả thực hiện đo đạc lập bản đồ địa chính cho các xã trên địa bàn tỉnh còn thấp, đến nay mới thực hiện đo đạc tại 43/141 xã.

- Kết quả kiểm tra 9/10 tổ chức đang hoạt động về đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh (*chi tiết tại phụ lục số 03 kèm theo*) cho thấy:

+ 7/9 tổ chức khi thay đổi người chịu trách nhiệm trước pháp luật, thay đổi cán bộ phụ trách kỹ thuật chính nhưng không báo cáo với cơ quan cấp phép theo quy định tại Khoản 4 Điều 4 Thông tư số 32/2010/TT-BTNMT ngày 08 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về cấp phép hoạt động đo đạc và bản đồ.

+ 3/9 tổ chức không thực hiện việc kiểm định, kiểm nghiệm thiết bị thuộc diện phải kiểm định, kiểm nghiệm trước khi đưa vào sử dụng theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bản đồ địa chính.

+ 3/9 tổ chức không thực hiện đầy đủ các hạng mục, mức kiểm tra kỹ thuật chất lượng công trình - sản phẩm đo đạc và bản đồ (cấp đơn vị thi công) theo quy định tại Điểm 5.2 Khoản 5 Mục II và Phụ lục 1 Thông tư số 05/2009/TT-BTNMT ngày 01 tháng 6 năm 2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm địa chính.

+ 3/9 tổ chức quản lý chất lượng công trình - sản phẩm đo đạc và bản đồ chưa đúng quy định, chưa thực hiện đầy đủ các hạng mục, mức kiểm tra theo quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm địa chính quy định tại Điểm 5.3 Khoản 5 Mục II và Phụ lục 1 Thông tư 05/2009/TT-BTNMT ngày 01 tháng 6 năm 2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Lĩnh vực Khoáng sản

Thực hiện Luật Khoáng sản năm 2005 và năm 2010, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành các văn bản chỉ đạo điều hành quản lý hoạt động khoáng sản trên địa

bàn tỉnh; thành lập Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản, Ban chỉ đạo tăng cường công tác quản lý hoạt động khoáng sản nhằm đưa hoạt động này vào nề nếp. Kết quả thanh tra hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh (*Chi tiết tại Phụ lục 04 kèm theo*) cho thấy có những ưu điểm và tồn tại sau:

3.1. Về ưu điểm:

- Đã phê duyệt quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản tỉnh Tuyên Quang đến năm 2010, có xét đến năm 2020; phê duyệt khu vực cấm, tạm cấm và hạn chế hoạt động khoáng sản theo đúng quy định của pháp luật.

- Công tác lập, phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản đã được Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo thực hiện theo quy định của pháp luật, nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi chính sách pháp luật trong công tác quản lý nhà nước và cấp phép hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

- Đến thời điểm thanh tra, Ủy ban nhân dân tỉnh đã cấp 64 giấy phép thăm dò và 189 giấy phép khai thác (cấp mới 156 giấy phép, gia hạn 30 giấy phép, chuyển nhượng 03 giấy phép); thu hồi 03 giấy phép. Việc cấp Giấy phép khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh đảm bảo đúng thẩm quyền, phù hợp với quy hoạch khoáng sản đã được phê duyệt; việc thẩm định hồ sơ đảm bảo đúng trình tự, thủ tục, thời hạn theo quy định.

- Việc thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ, đến nay đã tính tiền cấp quyền cho 64 điểm mỏ, với số tiền 69,63 tỷ đồng.

3.2. Về tồn tại:

- Việc quản lý đối với hoạt động khai thác khoáng sản khi giấy phép khai thác khoáng sản hết hiệu lực chưa chặt chẽ, dẫn đến hiện tượng doanh nghiệp khai thác khoáng sản khi giấy phép đã hết hạn nhưng không được xử lý; công tác theo dõi, kiểm tra việc thực hiện nội dung kết luận thanh tra, kiểm tra về khoáng sản chưa được thực hiện thường xuyên.

- Qua kiểm tra 12 tổ chức (*Chi tiết tại Phụ lục số 06 kèm theo*) cho thấy có những tồn tại như sau: 01/12 tổ chức khai thác đá vôi khi giấy phép hết hiệu lực, khai thác vượt quy định trong giấy phép đã hết hiệu lực; 01/12 tổ chức khai thác không đúng thiết kế (moong cao khoảng 30m, có độ dốc 70-75⁰, một số vị trí đá treo có nguy cơ gây mất an toàn); 1/12 tổ chức chưa ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khoáng sản; 4/12 tổ chức không có phao ranh giới khu vực khai thác.

4. Lĩnh vực môi trường

Nhằm tăng cường công tác quản lý về lĩnh vực môi trường và tài nguyên nước, tỉnh Tuyên Quang đã ban hành Chương trình hành động số 12-CTr/TU của

Ban Thường vụ Tỉnh uỷ (Khoá XIV) về thực hiện Chỉ thị số 29-CT/TW của Ban Bí thư về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện hiện Nghị quyết 41-NQ/TW ngày 15/11/2004 của Bộ Chính trị về "Bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước"; ban hành 04 kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 29-CT/TW của Ban Bí thư, Chỉ thị số 24/2008/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 Hội nghị lần thứ 7 ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) và ban hành 07 quyết định thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh về quy hoạch bảo vệ môi trường, xử lý chất thải...

Kết quả thanh tra lĩnh vực môi trường cho thấy có những ưu điểm và tồn tại sau:

4.1. Về ưu điểm:

- Đến thời điểm thanh tra Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã phê duyệt 112 báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM), 07 báo cáo ĐTM bổ sung và 14 Đề án bảo vệ môi trường. Công tác lập, thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh cơ bản thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

- Công tác quản lý chất thải nguy hại trên địa bàn tỉnh đã được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, đến nay đã cấp 98 Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại (CTNH). Công tác thẩm định hồ sơ đăng ký chủ nguồn CTNH được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc quản lý ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường cơ bản được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, đến nay đã có 96/105 dự án thực hiện việc ký quỹ (đạt 91,43% số dự án) với số tiền là 21.596.476.292 đồng.

4.1. Về tồn tại:

- Hội đồng thẩm định ĐTM tiến hành phiên họp chính thức khi vắng mặt các Ủy viên phản biện là chưa phù hợp với quy định về điều kiện tiến hành phiên họp chính thức của hội đồng thẩm định của các Thông tư trước đây và tại Khoản 1 Điều 26 Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

- Trên địa bàn tỉnh chưa có đơn vị hành nghề quản lý CTNH, các loại CTNH phát sinh được các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thu gom, lưu giữ trực tiếp tại cơ sở (mới có 09/98 đơn vị có hợp đồng xử lý CTNH), dẫn đến hầu hết các cơ sở được thanh tra chưa ký được hợp đồng để xử lý CTNH.

- Công tác hậu kiểm thực hiện còn hạn chế, số lượng các dự án được kiểm tra và xác nhận hoàn thành nội dung báo cáo ĐTM trước khi đi vào hoạt động chính thức còn thấp (từ năm 2007 đến nay mới xác nhận hoàn thành việc thực hiện các nội dung của báo cáo và yêu cầu của quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM, đề án bảo vệ môi trường cho 13 tổ chức).

- Kết quả kiểm tra 16 tổ chức về môi trường cho thấy còn những tồn tại sau: 4/16 tổ chức có khu vực lưu giữ CTNH nhưng chưa được cảnh báo và dán nhãn các loại CTNH theo quy định; 1/16 tổ chức chưa đăng ký CTNH; 11/16 tổ chức chưa ký hợp đồng xử lý CTNH; 1/16 tổ chức chưa thực hiện lập Bản cam kết bảo vệ môi trường trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận; 1/16 tổ chức chưa thu gom triệt để để nước thải, nước mưa trước để chảy ra môi trường xung quanh.

5. Tài nguyên nước

Ủy ban nhân dân Tỉnh đã ban hành Quyết định số 04/2009/QĐ-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2009 quy định về quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước mặt, xả nước thải vào nguồn nước trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 23/2009/QĐ-UBND ngày 9 tháng 12 năm 2009 phê duyệt Quy hoạch tài nguyên nước tỉnh Tuyên Quang đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2025.

Kết quả thanh tra lĩnh vực tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh cho thấy có những ưu điểm và tồn tại sau:

5.1. Về ưu điểm:

Tính đến thời điểm thanh tra, Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã cấp 121 giấy phép trong lĩnh vực tài nguyên nước, bao gồm: 02 giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất (01 trường hợp giấy phép gia hạn); 07 giấy phép thăm dò nước dưới đất; 53 giấy phép khai thác nước dưới đất; 34 giấy phép khai thác nước mặt (chấm dứt hiệu lực 01 giấy phép khai thác nước mặt của Ban quản lý công trình đô thị huyện Chiêm Hóa); 27 giấy phép xả thải vào nguồn nước. Kết quả kiểm tra 36 hồ sơ đã được cấp giấy phép của 10 tổ chức trong lĩnh vực tài nguyên nước (*Chi tiết tại Phụ lục 05 kèm theo*) cho thấy việc cấp phép trong lĩnh vực tài nguyên nước của Ủy ban nhân dân tỉnh được thực hiện theo quy định của pháp luật.

5.2. Về tồn tại:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang chưa tiến hành lập hành lang bảo vệ nguồn nước theo quy định tại Điều 31 Luật Tài nguyên nước năm 2012; chưa khoanh định, công bố vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn theo quy định tại Điều 71 Luật Tài nguyên nước năm 2012.

- Một số hồ sơ cấp giấy phép khai thác nước dưới đất có kết quả phân tích chất lượng nước không đạt chỉ tiêu về vật lý, hóa học hoặc vi sinh cấp nước sinh hoạt vào thời điểm xin cấp phép (các giấy phép số 35, 46, 43, 42, 61 và 76/GP-UBND/2009; 38, 35 và 44/GP-UBND/2010).

- Qua kiểm tra 16 tổ chức (*Chi tiết tại Phụ lục số 06 kèm theo*) cho thấy có những tồn tại như sau: 2/16 tổ chức khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước không lắp đặt thiết bị đo lưu lượng; chưa quan trắc mực nước, lưu lượng và chất lượng nước; chưa xây dựng báo cáo về khai thác, sử dụng nước

và xả nước thải vào nguồn nước hàng năm theo quy định; Công ty Cấp thoát nước Tuyên Quang có 08/42 công trình chưa xin cấp phép khai thác tài nguyên nước.

C. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ

I. Kết luận

1. Về ưu điểm

Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã chú trọng chỉ đạo các cấp, các ngành của tỉnh xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về đất đai, đo đạc và bản đồ, bảo vệ môi trường, khoáng sản và tài nguyên nước theo đúng thẩm quyền; việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật không trái quy định của luật và các nghị định của Chính phủ.

Công tác lập, phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch khoáng sản, khoanh định các vùng cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản và quy hoạch tài nguyên nước được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Việc giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; việc thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, thông kê, cấp sổ chủ nguồn thải nguy hại; việc cấp phép hoạt động khai thác khoáng sản; việc cấp phép khai thác tài nguyên nước; thẩm định hồ sơ xin cấp phép hoạt động đo đạc và bản đồ, chế độ thông tin, báo cáo về hoạt động đo đạc bản đồ, công tác quản lý dự án xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và việc thực hiện đo đạc lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo dự án đo đạc bản đồ trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật về đất đai, khoáng sản, môi trường, tài nguyên nước, đo đạc và bản đồ.

Công tác thanh tra, kiểm tra về lĩnh vực tài nguyên và môi trường đã được tỉnh quan tâm chỉ đạo thực hiện; qua thanh tra, kiểm tra đã tuyên truyền, phổ biến cho các tổ chức, cá nhân chấp hành nghiêm pháp luật về đất đai, môi trường, khoáng sản và tài nguyên nước; phòng ngừa, ngăn chặn các dấu hiệu vi phạm pháp luật; phát hiện và xử lý kịp thời các tổ chức, cá nhân vi phạm, đồng thời đưa việc chấp hành pháp luật về tài nguyên và môi trường trên địa bàn đi vào nề nếp, đúng pháp luật. Việc phối hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra về lĩnh vực tài nguyên và môi trường giữa các sở ngành đã được Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm chỉ đạo thực hiện.

2. Những tồn tại

2.1. Công tác quản lý nhà nước

2.1.1. Về lĩnh vực đất đai:

- Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang: Chưa kịp thời đôn đốc, kiểm tra và xử lý một số Dự án đầu tư sử dụng đất đã triển khai hoạt động nhưng chưa được thuê đất, ký hợp đồng thuê đất theo quy định.

- Đối với Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Quang: Chưa chú trọng chỉ đạo các phòng chức năng trong thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật; tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất không đúng quy định về bán đấu giá tài sản.

- Đối với Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh Tuyên Quang: Tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất không đúng quy định về bán đấu giá tài sản.

2.1.2. Về lĩnh vực đo đạc và bản đồ:

Công tác lập và phê duyệt Dự án đo đạc lập bản đồ địa chính còn chậm; việc đo đạc, lập bản đồ, hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh đạt tỷ lệ thấp.

2.1.3. Về lĩnh vực khoáng sản:

- Chậm ban hành, thay thế văn bản quy định về trách nhiệm, quyền hạn của các cấp, các ngành và các tổ chức, cá nhân trong quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh theo quy định của Luật Khoáng sản năm 2010.

- Chưa thường xuyên tổ chức kiểm tra sau cấp giấy phép và quản lý chặt chẽ đối với hoạt động khai thác khoáng sản khi giấy phép khai thác khoáng sản hết hiệu lực.

2.1.4. Về lĩnh vực môi trường:

- Hoạt động của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường còn vắng mặt các Ủy viên phản biện; công tác hậu kiểm chưa được quan tâm chỉ đạo thực hiện; số lượng các dự án được kiểm tra và xác nhận hoàn thành nội dung báo cáo ĐTM trước khi đi vào hoạt động chính thức còn thấp.

- Chưa thực hiện quy hoạch xây dựng khu vực xử lý CTNH và chỉ đạo thành lập tổ chức có chức năng xử lý CTNH trên địa bàn tỉnh theo quy định.

2.1.5. Về lĩnh vực tài nguyên nước:

Chậm ban hành, thay thế văn bản quy định về quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước trên địa bàn tỉnh theo quy định khi Luật Tài nguyên nước năm 2012.

2.2. Đối với các tổ chức được thanh tra

2.2.1. Về lĩnh vực đất đai:

Các tổ chức sử dụng đất còn một số tồn tại như: Chậm nộp tiền thuê đất; chưa lập hồ sơ gia hạn thời gian sử dụng đất theo quy định; sử dụng đất nhưng chưa ký hợp đồng thuê đất.

2.2.2. Về lĩnh vực đo đạc bản đồ:

Một số tổ chức chưa thực hiện đầy đủ các hạng mục, mức kiểm tra; thay đổi cán bộ phụ trách kỹ thuật nhưng chưa báo cáo với cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định.

2.2.3. Về lĩnh vực khoáng sản:

Các tổ chức hoạt động khai thác khoáng sản còn một số tồn tại như: khai thác khoáng sản (đá vôi) khi giấy phép hết hiệu lực, khai thác vượt quy định trong giấy phép đã hết hiệu lực; khai thác không đúng thiết kế (moong cao khoảng 30m, có độ dốc 70-75⁰, một số vị trí đá treo có nguy cơ gây mất an toàn, lập bản đồ hiện trạng và bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác chưa đúng với quy định); chưa ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khoáng sản; không có phao ranh giới khu vực khai thác cát sỏi lòng sông..

2.2.4. Về lĩnh vực môi trường:

Các tổ chức được thanh tra về lĩnh vực môi trường còn một số tồn tại như: chưa đăng ký chất thải nguy hại (CTNH); khu vực lưu giữ CTNH nhưng chưa được cảnh báo và dán nhãn các loại CTNH theo quy định; chưa ký hợp đồng xử lý CTNH; không lập báo cáo quản lý chất thải nguy hại định kỳ; chưa thực hiện lập Bản cam kết bảo vệ môi trường trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận; chưa việc thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường để báo cáo cơ quan nhà nước xác nhận trước khi đưa dự án, công trình vào vận hành chính thức theo quy định.

2.2.5. Về lĩnh vực tài nguyên nước:

Các tổ chức được thanh tra về lĩnh vực tài nguyên nước còn một số tồn tại như: Sử dụng tài nguyên nước nhưng chưa có giấy phép khai thác; chưa có giấy phép xả nước thải vào nguồn nước.

II. Kiến nghị

1. Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang

Chỉ đạo các Sở, ngành có liên quan thực hiện các nội dung sau:

- Chấn chỉnh công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh nhằm hạn chế những tồn tại đã được Đoàn thanh tra phát hiện.
- Rà soát và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về tài nguyên và môi trường thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
- Tăng cường kinh phí cho công tác đo đạc bản đồ, lập hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai; chỉ đạo hoàn thành tiến độ thực hiện Dự án tổng thể đo đạc bản đồ, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh.
- Chỉ đạo các cơ quan chức năng kiểm tra việc ký hợp đồng thuê đất, nộp tiền thuê đất đối với các tổ chức sử dụng đất trong hoạt động khai thác khoáng sản.

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Quang kiểm tra, rà soát và xử lý các sai phạm trong công tác tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, cấp giấy chứng nhận, đấu giá quyền sử dụng đất; tiếp tục chỉ đạo hoàn thành công tác cấp giấy chứng nhận trên địa bàn thành phố.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra về tài nguyên và môi trường nhằm phát hiện, xử lý kịp thời các sai phạm của cơ quan, tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Đối với Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Quang

- Tiếp tục chỉ đạo hoàn thành công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Chỉ đạo, chấn chỉnh về trình tự, thủ tục hành chính và lưu trữ hồ sơ trong công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra toàn bộ hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giao đất trên toàn địa bàn thành phố, phân loại các hồ sơ sai phạm để xử lý theo quy định của pháp luật.

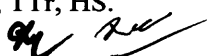
3. Đối với các tổ chức được thanh tra

Yêu cầu các tổ chức hoạt động về các lĩnh vực đất đai, đo đạc và bản đồ, khoáng sản, môi trường, tài nguyên nước khắc phục ngay các vi phạm đã được Đoàn thanh tra phát hiện và yêu cầu thực hiện trong các biên bản thanh tra.

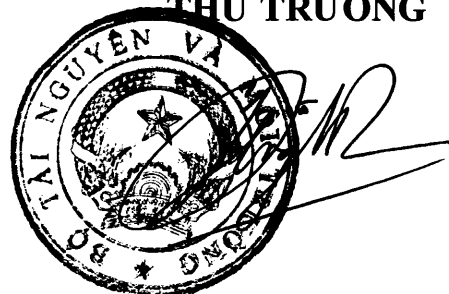
Bộ Tài nguyên và Môi trường đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang thông báo cho các tổ chức được thanh tra thực hiện nghiêm túc Kết luận này và báo cáo kết quả về Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 5 năm 2016./.

Nơi nhận:

- Thanh tra Chính phủ;
- Bộ trưởng Nguyễn Minh Quang;
- Thứ trưởng Trần Hồng Hà;
- Thứ trưởng Chu Phạm Ngọc Hiển;
- Thứ trưởng Nguyễn Linh Ngọc;
- Thứ trưởng Võ Tuấn Nhân;
- UBND tỉnh Tuyên Quang;
- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu: VT, TTr, HS.



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Thị Phương Hoa

Phu lục số 01:

KẾT QUẢ THANH TRA VĂN BẢN CỦA UBND TỈNH

(Kèm theo Kết luận thanh tra số: 925 /KL-BTNMT ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

TT	SỐ HIỆU, CƠ QUAN BAN HÀNH	Ngày, tháng, năm ban hành văn bản	TRÍCH YẾU NỘI DUNG	TỒN TẠI	GHI CHÚ
1	Nghị quyết số 01/2007/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh	16/03/2007	Về việc điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị xã Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang đến năm 2010 và định hướng phát triển đến năm 2020		
2	Nghị quyết số 08/2015/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh	18/01/2015	Về bảng giá đất 05 năm (2015-2019) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang		
3	Quyết định số 86/2004/QĐ-UB của UBND tỉnh	13/12/2004	Về việc thực hiện cơ chế một cửa tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang		
4	Quyết định số 47/2005/QĐ-UBND của UBND tỉnh	29/4/2005	Về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp tỉnh Tuyên Quang đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020		
5	Quyết định số 70/2005/QĐ-UBND của UBND tỉnh	8/8/2005	Về việc thành lập Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc UBND huyện, thị xã		
6	Quyết định số 66/2006/QĐ-UBND của UBND tỉnh	15/9/2006	Về việc thành lập Ban bồi thường GPMB thuộc huyện Yên Sơn		
7	Quyết định số 30/2007/QĐ-UBND của UBND tỉnh	31/08/2007	Phê duyệt Quy hoạch phát triển lâm nghiệp tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2006-2010, định hướng đến năm 2020		
8	Quyết định số 11/2008/QĐ-UBND của UBND tỉnh	23/7/2008	Về Ban hành Quy định về trách nhiệm, quyền hạn của các cấp, các ngành và tổ chức, cá nhân trong quản lý, sử dụng đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.		

9	Chi thị số 04/2008/CT-UBND của UBND tỉnh	23/7/2008	Về việc tăng cường quản lý đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh		
10	Quyết định số 20/2008/QĐ-UBND của UBND tỉnh	21/09/2008	Về việc ban hành Quy định về tiêu chí phân vùng, phân loại đường phố và phân vị trí đất làm căn cứ phân vùng, phân loại đường phố, phân vị trí đất để định giá đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang		
11	Quyết định số 23/2008/QĐ-UBND của UBND tỉnh	22/12/2008	Về việc quy định việc giao đất có thu tiền sử dụng đất làm mặt bằng sản xuất kinh doanh dịch vụ phi nông nghiệp hoặc đất ở cho hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, mục đích phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.		
12	Quyết định số 01/2010/QĐ-UBND của UBND tỉnh	06/01/2010	Về việc Quy định trách nhiệm, quyền hạn của các cơ quan chuyên môn cấp Tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã, cán bộ địa chính cấp xã và người sử dụng đất trong công tác quản lý và sử dụng đất đai trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.		
13	Quyết định số 10/2011/QĐ-UBND của UBND tỉnh	21/7/2011	Về việc ban hành quy chế thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường		
14	Quyết định số 22/2011/QĐ-UBND của UBND tỉnh	31/10/2011	Về việc Ban hành Đơn giá bồi thường thiệt hại về tài sản (vật kiến trúc, cây trồng, vật nuôi) gắn liền với đất bị thu hồi khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, mục đích phát triển kinh tế theo quy định của pháp luật trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang		
15	Quyết định số 18/2012/QĐ-UBND của UBND tỉnh	11/6/2012	Về việc sửa đổi, bổ sung Điều 4 Quyết định số 29/2010/QĐ-UBND của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc ban hành quy định về thời gian thực hiện các thủ tục và cơ chế phối hợp, cung cấp thông tin trong công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang		

16	Quyết định 04/2009/QĐ-UBND của UBND tỉnh	17/6/2009	Về việc ban hành quy định quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng TNN, xả nước thải vào nguồn nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang		
17	Quyết định số 23/2009/QĐ-UBND của UBND tỉnh	9/12/2009	Về việc phê duyệt Quy hoạch tài nguyên nước tỉnh Tuyên Quang đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2025		Đang hoàn thiện, để trình Quy hoạch tài nguyên nước tỉnh Tuyên Quang đến năm 2025 tầm nhìn đến năm 2035
18	Nghị quyết số 97/2006/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	08/12/2006	Về việc thông qua Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản tỉnh Tuyên Quang đến năm 2010, có xét đến năm 2020.		
19	Nghị quyết số 32/2015/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	15/7/2015	Quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí, lệ phí thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang		
20	Quyết định số 10/2009/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh	26/8/2009	Về việc thực hiện chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí Bảo vệ môi trường đối với chất thải rắn áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang		
21	Quyết định số 17/2009/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh	22/10/2009	Về việc phê duyệt quy hoạch bảo vệ môi trường tỉnh Tuyên Quang năm 2010, định hướng đến năm 2020		
22	Quyết định số 475/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh	26/12/2012	Về việc phê duyệt kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang		

23	Quyết định số 314/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh	06/9/2013	Về việc phê duyệt Quy hoạch Bảo tồn Đa dạng sinh học tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2013 -2020, định hướng đến năm 2030		
24	Quyết định số 13/2007/QĐ-UBND của UBND tỉnh Tuyên Quang	25/5/2007	Quy định trách nhiệm, quyền hạn của các cấp, các ngành và tổ chức, cá nhân trong quản lý và hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh	Chậm sửa đổi, thay thế cho phù hợp Luật khoáng sản năm 2010	
25	Quyết định 04/2009/QĐ-UBND của UBND tỉnh	17/6/2009	Về việc ban hành quy định quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước trên địa bàn tỉnh	Chậm sửa đổi, thay thế cho phù hợp Luật tài nguyên nước năm 2012	

Phụ lục số 02:

Danh sách các tổ chức chưa thực hiện ký hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường
(Kèm theo Kết luận thanh tra số: 925 /KL-BTNMT ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

TT	Chủ đầu tư	Quyết định cho thuê đất	Vị trí dự án	Diện tích	Tồn tại
1	Công ty TNHH Thanh Ba	- Quyết định số 204/QĐ-UBND ngày 11/7/2015 của UBND tỉnh Tuyên Quang	Đội 1, tổ nhân dân An Định, TT Sơn Dương, huyện Sơn Dương	1,2ha	chưa ký Hợp đồng thuê đất theo quy định
2	Công ty CP Vân Sơn Tuyên Quang	Đang làm thủ tục thuê đất	Mỏ đá Thôn Đồn Hang, xã Vân Sơn, huyện Sơn Dương	7,0 ha	chưa ký Hợp đồng thuê đất theo quy định
3	Hợp tác xã sản xuất khai thác đá vôi xã Đội Cấn	- Quyết định số 220/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang (Hợp đồng thuê đất số 65/HĐTĐ ngày 22 tháng 10 năm 2012, đã hết hạn vào ngày 24/11/2014	Khai thác đá vôi, thôn Cây Khé, xã Đội Cấn, tp. Tuyên Quang	3,13 ha	chưa ký Hợp đồng thuê đất theo quy định
4	Công ty cổ phần Lâm sản và Khoáng sản Tuyên Quang	- Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2015; - Quyết định số 151/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2015	khai thác đá vôi tại mỏ đá vôi thuộc thôn Khuôn Ráng và thôn Hang Hút, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, khai thác cát, sỏi lòng sông Lô thuộc địa bàn xã An Khang, thành phố Tuyên Quang và xã Thái Bình, huyện Yên Sơn,	29,689 ha; 69,28 ha	chưa ký Hợp đồng thuê đất theo quy định
5	Công ty TNHH 27-7	- Quyết định số 201/QĐ-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2015; - Quyết định số 202/QĐ-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2015; - Quyết định số 197/QĐ-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2015; - Chưa có quyết định cho thuê đất	-Mỏ barit khu Đồi Dứa, xã Tú Thịnh, huyện Sơn Dương; - Mỏ Barit khu Toán Trung, xã Tú Thịnh, huyện Sơn Dương; - Mỏ đá vôi thôn Tân Tiên, xã Tuân Lộ, huyện Sơn Dương	1,1 ha ; 1,0 ha; 6,0 ha; 0,95 ha; 1,0 ha	Chưa ký Hợp đồng thuê đất theo quy định

TT	Chủ đầu tư	Quyết định cho thuê đất	Vị trí dự án	Diện tích	Tồn tại
		Mỏ barit Khe Côn, xã Tứ Quyện, huyện Yên; mỏ Barit Hồng Thái, xã Tứ Quyện, huyện Yên Sơn, hiện chưa có Quyết định cho thuê đất			
6	Công ty cổ phần ĐT&TM Lục Phát	- Quyết định số: 35/QĐ-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2015	Khai thác cát, sỏi lòng sông Gâm thuộc địa bàn xã Ngọc Hội, Xuân Quang, thị trấn Vĩnh lộc, huyện Chiêm Hóa	80,0 ha	Chưa ký Hợp đồng thuê đất theo quy định
7	Hợp tác xã thủ công nghiệp Sứ Hùng	Đang làm thủ tục thuê đất	Khai thác cát, sỏi lòng sông Gâm thuộc địa bàn xã Trung Hòa, xã Vinh Quang, huyện Chiêm Hóa	60 ha	Chưa được cho thuê đất
8	Công ty TNHH Hiệp Phú	- Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2012 (quyết đã hết thời hạn cho thuê ngày 13/01/2013)	- Mỏ đá vôi tại Km8 xã An Khang, thành phố Tuyên Quang; - Mỏ cát sỏi lòng sông Lô tại xã Đội Bình huyện Yên Sơn, xã Cấp Tiên và xã Đông Thọ huyện Sơn Dương;	- 4,0ha; - 56,9 ha	Tại thời điểm thanh tra Công ty đã sử dụng 7 ha vượt 03ha (khu chế biến và bãi thải). Chưa được cho thuê đất tại 02 dự án

Phụ lục số 03:

Tồn tại về đo đạc và bản đồ của các tổ chức hành nghề đo đạc bản đồ tại Tuyên Quang
(Kèm theo Kết luận thanh tra số: /KL-BTNMT ngày tháng năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

STT	Tên công ty	Tồn tại
1	Công ty TNHH Một thành viên Phạm Vũ	Không báo cáo cho cơ quan có thẩm quyền khi thay đổi cán bộ phụ trách kỹ thuật, thay đổi địa chỉ trụ sở, theo qui định tại Khoản 4 Điều 4 Thông tư số 32/2010/TT-BTNMT ngày 08 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về cấp phép hoạt động đo đạc và bản đồ; vi phạm quy định về giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ.
2	Công ty TNHH Hưng Định	- Kiểm tra không đầy đủ các hạng mục, mức kiểm tra theo quy định tại phụ lục I Thông tư số 05/2009/TT-BTNMT ngày 1 tháng 6 năm 2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình sản phẩm địa chính.
3	Công ty TNHH Bảo Trung	- Không báo cáo cho cơ quan có thẩm quyền khi thay đổi cán bộ phụ trách kỹ thuật, theo qui định tại Khoản 4 Điều 4 Thông tư số 32/2010/TT-BTNMT ngày 08 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về cấp phép hoạt động đo đạc và bản đồ; vi phạm quy định về giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ; - Không thực hiện việc kiểm định, kiểm nghiệm thiết bị thuộc diện phải kiểm định, kiểm nghiệm năm 2013 (01 máy: máy toàn đạc điện tử GTS-235N OL9890) trước khi đưa vào sử dụng; vi phạm quy định về quản lý chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ. - Chưa thực hiện đầy đủ việc lập hồ sơ kiểm tra nghiệm thu, chất lượng công trình sản phẩm tại 05 công trình khảo sát địa hình phục vụ giao thông, 01 công trình khảo sát địa hình phục vụ quy hoạch xây dựng nêu tại mục II, kiểm tra không đầy đủ các hạng mục, mức kiểm tra theo quy định tại phụ lục I Thông tư số 02/2007/TT-BTNMT ngày 12 tháng 2 năm 2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ.
4	Công ty TNHH Một thành viên Tâm Việt	- Không báo cáo cho cơ quan có thẩm quyền khi thay đổi cán bộ phụ trách kỹ thuật, theo qui định tại Khoản 4 Điều 4 Thông tư số 32/2010/TT-BTNMT ngày 08 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài nguyên và

STT	Tên công ty	Tồn tại
		Môi trường về cấp phép hoạt động đo đạc và bản đồ; vi phạm quy định về giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ.
5	Trung tâm Quy hoạch xây dựng - Sở Xây dựng Tuyên Quang	- Không báo cáo cho cơ quan có thẩm quyền khi thay đổi cán bộ phụ trách kỹ thuật, theo qui định tại Khoản 4 Điều 4 Thông tư số 32/2010/TT-BTNMT ngày 08 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về cấp phép hoạt động đo đạc và bản đồ; vi phạm quy định về giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ.
6	Công ty Cổ phần khảo sát thiết kế Tuyên Quang	- Không báo cáo cho cơ quan có thẩm quyền khi thay đổi cán bộ phụ trách kỹ thuật, theo qui định tại Khoản 4 Điều 4 Thông tư số 32/2010/TT-BTNMT ngày 08 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về cấp phép hoạt động đo đạc và bản đồ; - Chưa thực hiện đầy đủ việc lập hồ sơ kiểm tra nghiệm thu, chất lượng công trình sản phẩm tại 05 công trình khảo sát địa hình phục vụ giao thông, 01 công trình khảo sát địa hình phục vụ quy hoạch xây dựng nêu tại mục II, kiểm tra không đầy đủ các hạng mục, mức kiểm tra theo quy định tại phụ lục I Thông tư số 02/2007/TT-BTNMT ngày 12 tháng 2 năm 2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ.
7	Trung tâm Công nghệ thông tin	Không có vi phạm, tồn tại.
8	Trung tâm Đo đạc bản đồ và Quy hoạch đất đai	- Không báo cáo cho cơ quan có thẩm quyền khi thay đổi cán bộ phụ trách kỹ thuật, theo qui định tại Khoản 4 Điều 4 Thông tư số 32/2010/TT-BTNMT ngày 08 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về cấp phép hoạt động đo đạc và bản đồ; vi phạm quy định về giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ.
	Văn phòng ĐKQSDĐ tỉnh Tuyên Quang	- Không báo cáo cho cơ quan có thẩm quyền khi thay đổi cán bộ phụ trách kỹ thuật, theo qui định tại Khoản 4 Điều 4 Thông tư số 32/2010/TT-BTNMT ngày 08 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về cấp phép hoạt động đo đạc và bản đồ; vi phạm quy định về giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ;

Phu lục số 04:

Tổng hợp kết quả kiểm tra hồ sơ các tổ chức khai thác khoáng sản tại Tuyên Quang

((Kèm theo Kết luận thanh tra số: 925 /KL-BTNMT ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường))

ST T	Tổng GP	Tổ chức, cá nhân	Số GP	Đã thực hiện	Tồn tại	Ghi chú
1	1	Công ty cổ phần ĐT&TM Lục Phát	41/GP-UBND	<ul style="list-style-type: none">- Bàn giao mốc giới- Lập, phê duyệt thiết kế mỏ- Bổ nhiệm giám đốc điều hành mỏ;- Đăng ký ngày bắt đầu khai thác, kế hoạch khai thác- Lập, nộp báo cáo định kỳ- Quyết định cho thuê đất- Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại- Báo cáo quan trắc định kỳ- Khai thác theo thiết kế- Ban hành các nội quy an toàn lao động	Bị mất phao mốc giới	
2	2	Hợp tác xã thủ công nghiệp Sừ Hùng	10/GP-UBND	<ul style="list-style-type: none">- Bàn giao mốc giới- Lập, phê duyệt thiết kế mỏ- Bổ nhiệm giám đốc điều hành mỏ;- Đăng ký ngày bắt đầu khai thác, kế hoạch khai thác- Lập, nộp báo cáo định kỳ- Quyết định cho thuê đất (chưa xuất trình)- Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại (chưa xuất trình)		Chưa khai thác
3	3	Công ty TNHH Hiệp Phú	15/GP-UBND	<ul style="list-style-type: none">- Bàn giao mốc giới- Lập, phê duyệt thiết kế mỏ- Bổ nhiệm giám đốc điều hành mỏ;- Đăng ký ngày bắt đầu khai thác, kế hoạch khai thác- Lập, nộp báo cáo định kỳ- Quyết định cho thuê đất- Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại- Báo cáo quan trắc định kỳ- Khai thác theo thiết kế- Ban hành các nội quy an toàn lao động	Bị mất phao mốc giới	

ST T	Tổng GP	Tổ chức, cá nhân	Số GP	Đã thực hiện	Tồn tại	Ghi chú
	4		12/GP-UBND	<ul style="list-style-type: none"> - Bàn giao mốc giới - Lập, phê duyệt thiết kế mỏ - Bổ nhiệm giám đốc điều hành mỏ; - Đăng ký ngày bắt đầu khai thác, kế hoạch khai thác - Lập, nộp báo cáo định kỳ - Quyết định cho thuê đất - Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại - Báo cáo quan trắc định kỳ - Khai thác theo thiết kế - Ban hành các nội quy an toàn lao động 	Bị mất phao mốc giới	
4	5	Công ty cp Thuận Đức TQ	21/GP-UBND	<ul style="list-style-type: none"> - Bàn giao mốc giới - Lập, phê duyệt thiết kế mỏ - Bổ nhiệm giám đốc điều hành mỏ; - Đăng ký ngày bắt đầu khai thác, kế hoạch khai thác - Lập, nộp báo cáo định kỳ - Quyết định cho thuê đất - ký HĐ thuê đất - Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại - Báo cáo quan trắc định kỳ - Khai thác theo thiết kế - Ban hành các nội quy an toàn lao động 	Bị mất phao mốc giới	
5	6	Công ty TNHH 1 thành viên Yên Huy	32/GP-UBND	<ul style="list-style-type: none"> - Bàn giao mốc giới - Lập, phê duyệt thiết kế mỏ (chưa xuất trình) - Bổ nhiệm giám đốc điều hành mỏ; (chưa xuất trình) - Đăng ký ngày bắt đầu khai thác, kế hoạch khai thác - Lập, nộp báo cáo định kỳ - Quyết định cho thuê đất - ký HĐ thuê đất - Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại (chưa xuất trình) - Báo cáo quan trắc định kỳ - Khai thác theo thiết kế - Ban hành các nội quy an toàn lao động (chưa xuất trình) 	Bị mất phao mốc giới	

ST T	Tổng GP	Tổ chức, cá nhân	Số GP	Đã thực hiện	Tồn tại	Ghi chú
6	7	Công ty cổ phần Lâm sản và Khoáng sản Tuyên Quang	17/GP-UBND	<ul style="list-style-type: none"> - Bàn giao mốc giới - Lập, phê duyệt thiết kế mỏ - Bổ nhiệm giám đốc điều hành mỏ; - Đăng ký ngày bắt đầu khai thác, kế hoạch khai thác - Lập, nộp báo cáo định kỳ - Quyết định cho thuê đất - Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại - Báo cáo quan trắc định kỳ - Ban hành các nội quy an toàn lao động 		
	8		21/GP-UBND	<ul style="list-style-type: none"> - Bàn giao mốc giới - Lập, phê duyệt thiết kế mỏ - Bổ nhiệm giám đốc điều hành mỏ; - Đăng ký ngày bắt đầu khai thác, kế hoạch khai thác - Lập, nộp báo cáo định kỳ - Quyết định cho thuê đất - Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại - Báo cáo quan trắc định kỳ - Ban hành các nội quy an toàn lao động 		Áp dụng điểm c Khoản 3 và điểm a Khoản 4 Điều 37 của Nghị định 142 (đối với tổ chức) đối với hành vi khai thác khoáng sản không có Giấy phép khai thác trong khoảng thời gian áp dụng thời hiệu xử lý vi phạm hành chính
	9		31/GP-UBND	<ul style="list-style-type: none"> - Bàn giao mốc giới - Lập, phê duyệt thiết kế mỏ - Bổ nhiệm giám đốc điều hành mỏ; - Đăng ký ngày bắt đầu khai thác, kế hoạch khai thác 		Dừng khai thác

ST T	Tổng GP	Tổ chức, cá nhân	Số GP	Đã thực hiện	Tồn tại	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> - Lập, nộp báo cáo định kỳ - Quyết định cho thuê đất - Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại - Báo cáo quan trắc định kỳ - Ban hành các nội quy an toàn lao động 		
	10		28/GP-UBND	<ul style="list-style-type: none"> - Bàn giao mốc giới - Lập, phê duyệt thiết kế mỏ - Bổ nhiệm giám đốc điều hành mỏ; - Đăng ký ngày bắt đầu khai thác, kế hoạch khai thác - Lập, nộp báo cáo định kỳ - Quyết định cho thuê đất - Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại - Báo cáo quan trắc định kỳ - Ban hành các nội quy an toàn lao động 		Dừng khai thác
7	11	Công ty TNHH 27-7	10/GP-UBND	<ul style="list-style-type: none"> - Bàn giao mốc giới - Lập, phê duyệt thiết kế mỏ - Bổ nhiệm giám đốc điều hành mỏ; - Đăng ký ngày bắt đầu khai thác, kế hoạch khai thác - Lập, nộp báo cáo định kỳ - Quyết định cho thuê đất - Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại - Báo cáo quan trắc định kỳ - Ban hành các nội quy an toàn lao động 		
	12		11/GP-UBND	<ul style="list-style-type: none"> - Bàn giao mốc giới - Lập, phê duyệt thiết kế mỏ - Bổ nhiệm giám đốc điều hành mỏ; - Đăng ký ngày bắt đầu khai thác, kế hoạch khai thác - Lập, nộp báo cáo định kỳ - Quyết định cho thuê đất - Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại - Báo cáo quan trắc định kỳ - Ban hành các nội quy an toàn lao động 		

ST T	Tổng GP	Tổ chức, cá nhân	Số GP	Đã thực hiện	Tồn tại	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> - Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại - Báo cáo quan trắc định kỳ - Ban hành các nội quy an toàn lao động 		
8	17	Công ty TNHH Toàn Phương	37/GP-UBND	<ul style="list-style-type: none"> - Bàn giao mốc giới, cắm mốc - Lập, phê duyệt thiết kế mỏ - Bổ nhiệm giám đốc điều hành mỏ; - Đăng ký ngày bắt đầu khai thác, kế hoạch khai thác (chưa xuất trình) - Lập, nộp báo cáo định kỳ - Quyết định cho thuê đất - Hợp đồng thuê đất - Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại - Báo cáo quan trắc định kỳ - Ban hành các nội quy an toàn lao động 		
9	18	Công ty cổ phần Vân Sơn Tuyên Quang	01/GP-UBND	<ul style="list-style-type: none"> - Bàn giao mốc giới, cắm mốc - Lập, phê duyệt thiết kế mỏ - Bổ nhiệm giám đốc điều hành mỏ; - Đăng ký ngày bắt đầu khai thác, kế hoạch khai thác - Lập, nộp báo cáo định kỳ - Quyết định cho thuê đất - Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại - Ban hành các nội quy an toàn lao động 		Chưa khai thác
	19		27/GP-UBND			Dừng khai thác
10	20	Công ty TNHH Thanh Ba	14/GP-UBND	<ul style="list-style-type: none"> - Bàn giao mốc giới, cắm mốc - Lập, phê duyệt thiết kế mỏ - Bổ nhiệm giám đốc điều hành mỏ; - Đăng ký ngày bắt đầu khai thác, kế hoạch khai thác (chưa xuất trình) - Lập, nộp báo cáo định kỳ - Quyết định cho thuê đất - Xác nhận các công trình bảo vệ môi trường 		

ST T	Tổng GP	Tổ chức, cá nhân	Số GP	Đã thực hiện	Tồn tại	Ghi chú
	13		08/GP-UBND	<ul style="list-style-type: none"> - Bàn giao mốc giới - Lập, phê duyệt thiết kế mỏ - Bổ nhiệm giám đốc điều hành mỏ; - Đăng ký ngày bắt đầu khai thác, kế hoạch khai thác - Lập, nộp báo cáo định kỳ - Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại - Báo cáo quan trắc định kỳ - Ban hành các nội quy an toàn lao động 		Chưa khai thác
	14		09/GP-UBND	<ul style="list-style-type: none"> - Bàn giao mốc giới - Lập, phê duyệt thiết kế mỏ - Bổ nhiệm giám đốc điều hành mỏ; - Đăng ký ngày bắt đầu khai thác, kế hoạch khai thác - Lập, nộp báo cáo định kỳ - Quyết định cho thuê đất - Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại - Báo cáo quan trắc định kỳ - Ban hành các nội quy an toàn lao động 		
	15		21/GP-UBND	<ul style="list-style-type: none"> - Bàn giao mốc giới - Lập, phê duyệt thiết kế mỏ - Bổ nhiệm giám đốc điều hành mỏ; - Đăng ký ngày bắt đầu khai thác, kế hoạch khai thác - Lập, nộp báo cáo định kỳ - Quyết định cho thuê đất - Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại - Báo cáo quan trắc định kỳ - Ban hành các nội quy an toàn lao động 		
	16		10/GP-UBND	<ul style="list-style-type: none"> - Bàn giao mốc giới, cắm mốc - Lập, phê duyệt thiết kế mỏ - Bổ nhiệm giám đốc điều hành mỏ; - Đăng ký ngày bắt đầu khai thác, kế hoạch khai thác - Lập, nộp báo cáo định kỳ - Quyết định cho thuê đất 		

ST T	Tổng GP	Tổ chức, cá nhân	Số GP	Đã thực hiện	Tồn tại	Ghi chú
				<ul style="list-style-type: none"> - Quan trắc môi trường - Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại - Ban hành các nội quy an toàn lao động 		
11	21	Hợp tác xã sản xuất khai thác đá vôi xã Đội Cán	20/GP-UBND	<ul style="list-style-type: none"> - Bàn giao mốc giới, cắm mốc - Lập, phê duyệt thiết kế mỏ (chưa phù hợp) - Bổ nhiệm giám đốc điều hành mỏ; - Đăng ký ngày bắt đầu khai thác, kế hoạch khai thác - Lập, nộp báo cáo định kỳ - Quyết định cho thuê đất - Quan trắc môi trường - Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại - Ban hành các nội quy an toàn lao động 		
12	22	Công ty cổ phần Khoáng sản Bảo Âu	36/GP-UBND			Chưa khai thác

Phu lục số 05:

Kết quả kiểm tra hồ sơ cấp phép trong lĩnh vực tài nguyên nước tại tỉnh Tuyên Quang
(Kèm theo Kết luận thanh tra số: 925 /KL-BTNMT ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

TT	Loại hình	Đơn vị quản lý	Quy mô công suất	Quyết định phê duyệt	Ngày cấp	Thời hạn	Tồn tại
I		Trước 01/1/2013					
1	NĐĐ	Cty CTN Tuyên Quang	1,700	35/GP-UBND	6/6/2009	6/6/2018	Cấp phép khi CLN có chỉ tiêu vi sinh ko đạt TC 1329/2002 (kết quả phân tích mẫu nước số 31/DP-XN, ngày 03/4/09 của trung tâm y tế dự phòng tỉnh) và phải xử lý nước trước khi sử dụng.
2	NĐĐ	Cty CTN Tuyên Quang	1,800	46/GP-UBND	29/6/2009	29/6/2018	Cấp phép khi CLN có chỉ tiêu vi sinh ko đạt, (kết quả phân tích mẫu nước số 33/DP-XN, ngày 03/4/09), phải xử lý nước trước khi sử dụng.
3	NĐĐ	Cty CTN Tuyên Quang	1,600	45/GP-UBND	29/6/2009	29/6/2018	Đôi với đề án thiếu biểu đồ dùng nước theo các giai đoạn
4	NĐĐ	Cty CTN Tuyên Quang	1800	47/GP-UBND	29/6/2009	29/6/2018	Đôi với đề án thiếu biểu đồ dùng nước theo các giai đoạn
5	NĐĐ	Cty CTN Tuyên Quang	1,800	48/GP-UBND	29/6/2009	29/6/2018	- Giấy nhận hồ sơ gộp với 43/GP; - Đôi với đề an: Thiếu biểu đồ dùng nước theo các giai đoạn
6	NĐĐ	Cty CTN Tuyên Quang	2100	43/GP-UBND	29/6/2009	29/6/2018	- Đôi với đề án thiếu biểu đồ dùng nước theo các giai đoạn - Cấp phép trong khi CLN tại thời điểm xin CP có chỉ tiêu vật lý ko đạt TC 1329/2002 (KQPTMN 28/DP-XN, ngày 03/4/09 của trung tâm y tế dự phòng tỉnh)
7	NĐĐ	Cty CTN Tuyên Quang	2300	44/GP-UBND	29/6/2009	29/6/2018	Đôi với đề an: Thiếu biểu đồ dùng nước theo các giai đoạn
8	NĐĐ	Cty CTN Tuyên Quang	2100	42/GP-UBND	29/6/2009	29/6/2018	Cấp phép trong khi CLN tại thời điểm xin CP có chỉ tiêu VL ko đạt TC 1329/2002 (KQPTMN 30/DP-XN, ngày

TT	Loại hình	Đơn vị quản lý	Quy mô công suất	Quyết định phê duyệt	Ngày cấp	Thời hạn	Tồn tại
							03/4/09 của trung tâm y tế dự phòng tỉnh)
9	NĐĐ	Cty CTN Tuyên Quang	2000	61/GP-UBND	26/8/2009	26/82018	Thiếu trích lục bản đồ chứng minh tính hợp pháp đất xây dựng giếng khoan N8 xóm 9 xã Ý La (hoặc quyết định xã Ý La cũ là P.Tân Hà mới)
10	NĐĐ	Cty CTN Tuyên Quang	1500	60/GP-UBND	26/8/2009	26/82019	Không
11	NĐĐ	Cty CTN Tuyên Quang	1000	62/GP-UBND	26/8/2010	26/82020	Không
12	T.dò	Cty CTN Tuyên Quang	600	32/GP-UBND	21/7/2010	90 ngày	Không
13	N.mặt	Cty CTN Tuyên Quang	3000	38/GP-UBND	4/11/2010	15 năm	Cấp phép khi CLN có 1 mẫu nước không đạt chỉ tiêu mùi vị theo QCVN 01:2009/BYT (Số XN 531, ngày 24/8/10 của trung tâm y tế dự phòng tỉnh) và phải xử lý nước trước khi sử dụng
14	N.mặt	Cty CTN Tuyên Quang	2900	35/GP-UBND	22/9/2010	15 năm	Kết quả phân tích diễn biến CLN không khớp với KQ PT: Có hầu hết các mẫu tại vòi (10/09; 12/09; 13/5/10; 15/6/10 ko đạt chỉ tiêu Coliform) và CLN ko đạt chỉ tiêu hóa học: pH; độ Ô xi hóa theo QCVN 01:2009/BYT (Số XN 438, ngày 18/7/2010 của trung tâm y tế dự phòng tỉnh), vẫn cấp phép và phải xử lý nước trước khi sử dụng.
15	NĐĐ	TT NS và VSMT TQ	1,350	76/GP-UBND	23/12/2009	23/12/2018	Cấp phép khi CLN có chỉ tiêu vi sinh ko đạt TC 1329/2002 (số XN171, ngày 06/11/09 của trung tâm y tế dự phòng tỉnh), PHẢI XỬ LÝ
16	N.mặt	Cty Giấy An Hòa	15000	44/GP-UBND	8/12/2010	15 năm	- Kết quả phân tích CLN chưa phù hợp với mục đích xin cấp phép cho sản xuất và sinh hoạt (trang 18, phải so sánh với cột A2); - Thiếu trích lục bản đồ trong HĐ thuê đất.
17	N.mặt	Cty Giấy An Hòa	13960	39/GP-UBND	18/10/2011	15 năm	- Chưa có đánh giá ảnh hưởng của KTSD đến môi trường

TT	Loại hình	Đơn vị quản lý	Quy mô công suất	Quyết định phê duyệt	Ngày cấp	Thời hạn	Tồn tại
							xung quanh; - Thiếu trích lục bản đồ trong H Đ thuê đất
18	N.mặt	Cty CP Mía SD	7200	24/GP-UBND	7/6/2011	10 năm	Thiếu văn bản pháp lý về môi trường (Thiếu Quyết định phê duyệt ĐTM)
19	X.thải	Cty CP Mía SD	4,786	23/GP-UBND	7/6/2011	10 năm	- Thiếu Quyết định phê duyệt ĐTM - Thiếu bản sao GCN quyền sử dụng đất
20	N.mặt	Cty CP Mía SD	7055	18/GP-UBND	30/7/2012	10 năm	Thiếu trích lục bản đồ trong H Đ thuê đất
21	X.thải	Cty CP Mía SD		31/GP-UBND	27/11/2012	5 năm	Cần bổ sung sơ đồ vị trí của các mẫu nước cần giám sát CLN (page 62)
22	N.mặt	Cty Giấy Tuyên Quang	475	40/GP-UBND	18/10/2011	5 năm	Không
23	X.thải	Cty Giấy Tuyên Quang		26/GP-UBND	7/9/2012	3 năm	Chưa phân tích đầy đủ các tác động của việc xả thải đến môi trường xung quanh (có nhiều khu dân cư phía sau điểm xả thải)
24	N.mặt	Nhà máy Z129	1880	32/GP-UBND	27/11/2012	15 năm	- Không thống nhất khi tính toán nhu cầu nước SD tại các trang 35-36 (lưu lượng xin cấp phép nhỏ hơn lưu lượng khai thác thực tế); - Thiếu Quyết định phê duyệt ĐTM
25	N.mặt	Mimeco Tuyen Quang	150	33/GP-UBND	27/11/2012	15 năm	Không
II	Từ 01/1/2013 đến nay						
26	X.thải	Cty TNHH MSA YB	112	50/GP-UBND	31/12/2013	10 năm	- Thiếu thông tin liên quan đến Cam kết bảo vệ môi trường; - Thiếu thông tin về sử dụng đất
27	X.thải	Cty CP xây dựng tổng hợp Tuyên Quang	958	27/GP-UBND, ngày 23/7/2013		5 năm	Nội dung trong GP chưa cập nhật các quy định mới trong Luật TNN về quyền và NV đối với chủ giấy phép (Đ43) - Công tác thẩm định: Thiếu sơ đồ quy trình của hệ thống

TT	Loại hình	Đơn vị quản lý	Quy mô công suất	Quyết định phê duyệt	Ngày cấp	Thời hạn	Tồn tại
							xử lý nước thải; Bổ sung vị trí của các điểm thải ở các vùng lân cận vùng xả và điểm xả điểm quan trắc CLN
28	X.thải	Nhà máy Z113	423	25/GP-UBND, ngày 23/7/2013			- Chưa cập nhật Điều 38 của Luật TNN về quyền và nghĩa vụ của chủ giấy phép.
29	NĐ	Công ty cổ phần chè Mỹ Lâm	70	17/GP-UBND, ngày 18/6/2013			- Chưa cập nhật các quy định mới trong Luật TNN về quyền và NV đối với chủ giấy phép (Đ43). - Thiếu giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (chỉ có QH sử dụng đất 2010)
30	NDD	Nhà máy Z113	1320	22/GP-UBND, ngày 20/7/2013		15	- Chưa cập nhật Điều 43 Luật TNN về quyền và trách nhiệm của chủ GP
31	NDD	Nhà máy Z113	1170	23/GP-UBND, ngày 20/7/2013		15	- Chưa cập nhật Điều 43 Luật TNN về quyền và trách nhiệm của chủ GP
32	NDD	Nhà máy Z113	2880	24/GP-UBND, ngày 20/7/2013		15	- Chưa cập nhật Điều 43 Luật TNN về quyền và trách nhiệm của chủ GP
33	N.mặt	Cty CP xây dựng tổng hợp Tuyên Quang	1285	26/GP-UBND, ngày 23/7/2013		15	- GP chưa cập nhật các quy định trong Luật TNN;
34	N.mặt	Cty CP kim loại màu Tuyên Quang	700	17/GP-UBND	3/6/2014	30/12/2021	Kiểm tra các thông tin liên quan đến ĐTM, sử dụng đất
35	X.thải	Cty CP kim loại màu Tuyên Quang	563.29	20/GP-UBND	5/6/2014	30/6/2017	Thiếu sơ đồ vị trí quan trắc chất lượng nước thải sau xử lý.
			439.28				
36	N.mặt	Cty CP kim loại màu Tuyên Quang	700	18/GP-UBND	3/6/2014	30/6/2017	Không

Phu lục số 06:

Những tồn tại về đất đai, môi trường, khoáng sản và tài nguyên nước của các tổ chức được thanh tra

(Kèm theo Kết luận thanh tra số: 925 /KL-BTNMT ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

TT	Tên tổ chức		Tồn tại của tổ chức	Ghi chú
1.	Công ty CP Vân Sơn Tuyên Quang	khai thác khoáng sản đá vôi	<ul style="list-style-type: none">- Chưa có quyết định giao đất- Khu vực lưu giữ CTNH chưa được cảnh báo và dán nhãn các loại chất thải theo yêu cầu về quản lý CTNH- Chưa ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác mỏ	Chưa khai thác
2.	Hợp tác xã sản xuất khai thác đá vôi xã Đội Cấn	khai thác khoáng sản đá vôi	Chưa ký hợp đồng thuê đất	
3	Công ty cổ phần Lâm sản và Khoáng sản Tuyên Quang	khai thác khoáng sản đá vôi	<ul style="list-style-type: none">- Chưa ký Hợp đồng thuê đất theo quy định- Moong khai thác không đúng thiết kế (cao khoảng 30m, có độ dốc 70-75⁰, một số vị trí đá treo có nguy cơ gây mất an toàn)- Các năm 2011 - 2013 sản lượng khai thác 1182049,37 m³ vượt 912049,37 m³ (vượt 438%) theo quy định tại Giấy phép khai thác khoáng sản số 33/GP-UBND ngày 01 tháng 06 năm 2009 (quy định 90000m³/năm).	
4	Công ty TNHH 27-7	khai thác khoáng sản đá vôi, barit	<ul style="list-style-type: none">- Chưa ký Hợp đồng thuê đất các mỏ barit và mỏ đá vôi- Khu vực lưu giữ CTNH chưa được cảnh báo và dán nhãn các loại chất thải theo yêu cầu về quản lý CTNH	

5	Công ty cổ phần ĐT&TM Lục Phát	khai thác cát. sỏi	- Chưa ký Hợp đồng thuê đất của mỏ cát, sỏi theo quy định - Không có phao ranh giới khu vực khai thác.	
6	Hợp tác xã thủ công nghiệp Sử Hùng	khai thác cát. sỏi	Đang làm thủ tục thuê đất	Chưa khai thác
7	Công ty TNHH Hiệp Phú	khai thác cát. sỏi, đá vôi	- Trong hoạt động khai thác đá vôi: Lưu giữ CTNH không đúng quy định; - Trong hoạt động khai thác cát sỏi lòng sông Lô: Chưa ký hợp đồng thuê đất; không có phao ranh giới khu vực khai thác.	
8	Công ty cp Thuận Đức TQ	khai thác cát. sỏi	Không có phao ranh giới khu vực khai thác.	
9	Công ty TNHH 1 thành viên Yên Huy	khai thác cát. sỏi	Không có phao ranh giới khu vực khai thác.	
10	Công ty CP chè Sông Lô	Chế biến chè, trồng chè	Chưa đăng ký chất thải nguy hại phát sinh trong hoạt động trồng chè.	
11	Chi nhánh Công ty TNHH MTV Bò sữa Việt Nam	Trồng cỏ, nuôi bò sữa	Không vi phạm	

12	Công ty Cấp thoát nước Tuyên Quang	Kinh doanh nước sạch	+ Lưu giữ CTNH không đúng quy định; - Có 08/42 công trình chưa xin cấp phép khai thác tài nguyên nước gồm: 06 công trình khai thác nước dưới đất và 03 công trình khai thác nước mặt. - Chưa lắp đặt thiết bị đo lưu lượng nước khai thác - Chưa thực hiện lập Bản cam kết bảo vệ môi trường trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận (trừ DA khai thác nước 17500m ³).	
13	Công ty CP xây dựng tổng hợp Tuyên Quang	Giấy đế	- Chưa lắp đặt thiết bị đo lưu lượng khai thác nước mặt - Chưa thu gom triệt để để nước thải, nước mưa trước khi chảy ra môi trường xung quanh.	
14	Công ty cổ phần Khoáng sản Bảo Âu	Khai thác khoáng sản quặng antimon	Chưa đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ.	Chưa khai thác
15	Công ty Cổ phần vật liệu xây dựng Viên Châu	Sản xuất gạch đất sét nung, gạch không nung	Sử dụng đất không đúng mục đích được cho thuê theo Quyết định số 114/QĐ-UBND ngày 11/03/2014 của UBND tỉnh Tuyên Quang (tháng 4 năm 2015 Công ty đã cho phép UBND xã An Tường xây dựng Nhà văn hóa thôn Kiều 4 trên diện tích đất khoảng 470 m ²).	
16	Công ty TNHH Thanh Ba	Khai thác đá vôi	Chưa ký hợp đồng thuê đất	